

Bản án số: 13/2020/KDTM - PT
Ngày 18 – 12 – 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh và thương mại phúc thẩm thụ lý số: 19/2020/TLPT- KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2020/KDTM - ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2020/QĐ - PT ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần Tập đoàn S.

Địa chỉ: Đại lộ TN, khu công nghiệp ST II, phường DA, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc A; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Hữu Q và ông Huỳnh Thanh T; địa chỉ: KM 9, Quốc lộ 14, xã ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; cùng có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H;

Địa chỉ: YB, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thiên C; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Gia Đ; địa chỉ: PNT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị Xuân H1; địa chỉ: Thôn DM, xã GN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình;

2. Bà Nguyễn Khánh L; địa chỉ: Tổ dân phố Z, phường ĐS, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình;

3. Ông Phan Kinh X, bà Đặng Thị Tường E; địa chỉ: LTT, khối Y, phường BT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

(Những người có quyền lợi liên quan đều vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Tập đoàn S; Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

1. Ngày 15/12/2017 Công ty cổ phần Tập đoàn S (sau đây gọi tắt là Cty S) và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H (gọi tắt là Cty H) đã ký Biên bản thỏa thuận số 63MT và Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất. Theo biên bản thỏa thuận số 63MT và Hợp đồng trên thì Cty H cho Cty S thuê lại diện tích đất 624 m² tại xã GN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình. (Diện tích đất trên do công ty H thuê lại của ông Phạm văn T1 và bà Nguyễn Thị Xuân H1 thửa đất số 58, tờ bản đồ số 8, diện tích đất trồng cây lâu năm 581,5 m² và thửa đất số 59, tờ bản đồ số 8, diện tích đất ở 200m, diện tích đất trồng cây hàng năm khác 405,6 m²). Giá thuê từ năm thứ 01 đến 05 là 26.000.000đ/tháng, từ năm thứ 6 đến hết năm thứ 10 là 28.000.000đ/tháng. Theo biên bản thỏa thuận số 63MT thì Cty H có nghĩa vụ xây dựng mới nhà xưởng với diện tích 624 m² và xây dựng phòng làm việc với diện tích 42 m², khu sinh hoạt có diện tích 78 m² bao gồm: 03 phòng ngủ, 01 nhà bếp 01 phòng ăn, 02 nhà vệ sinh hành lang trên nền nhà xưởng (theo bản vẽ thiết kế của Cty S). Cty S đặt cọc cho Cty H số tiền 1.000.000.000 đồng được thanh toán được thanh toán theo tiến độ thực hiện, cụ thể như sau:

Đợt 1: 150.000.000đ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản thỏa thuận thuê tài sản gắn liền với đất. Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể.

Đợt 2: 150.000.000đ trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên B nhận được bản

sao chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bên A và chủ đất. Giấy phép xây dựng (nếu có) và hai bên ký hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất có công chứng.

Đợt 3: 150.000.000đ trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A hoàn thiện việc san nền, xây móng, đóng cọc.

Thời hạn thực hiện là 90 ngày kể từ ngày bên B nhận tiền đặt cọc đợt 1, bên A phải hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng theo bản vẽ được hai bên ký xác nhận và bàn giao tài sản cho bên B.

2. Ngày 22/12/2017 Cty S và Cty H tiếp tục ký Biên bản thỏa thuận số 70MT và Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất. Theo Biên bản thỏa thuận số 70MT và Hợp đồng trên thì Cty H cho Cty S thuê lại diện tích đất 680 m² tại phường ĐS, Tp. ĐH, tỉnh Quảng Bình để làm xưởng cán sóng tôn thép, xà gồ, ống thép, ống nhựa và các sản phẩm khác. Theo hợp đồng trên thì Cty H cho Cty S thuê lại diện tích đất 680 m² tại phường ĐS, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình. (Diện tích đất trên do công ty H thuê lại của Nguyễn Khánh L thửa đất số 139, tờ bản đồ số 39, diện tích sử dụng riêng 794 m², diện tích đất ở 200 m², diện tích trồng cây lâu năm 594 m²). Giá thuê từ năm thứ 01 đến 05 là 29.500.000đ/tháng, từ năm thứ 6 đến hết năm thứ 10 là 32.000.000đ/tháng. Theo biên bản thỏa thuận số 70MT thì Cty H có nghĩa vụ xây dựng mới nhà xưởng Cty H có nghĩa vụ xây dựng mới nhà xưởng với diện tích 550 m² và xây dựng phòng làm việc với diện tích 48 m², khu sinh hoạt có diện tích 130 m² bao gồm 03 phòng ngủ, 01 nhà bếp 01 phòng ăn, 02 nhà vệ sinh hành lang và sân phơi (theo bản vẽ thiết kế của Cty S).

Theo các hợp đồng trên thì Cty S sẽ đặt cọc cho Cty H số tiền 1.000.000.000 đồng và được giải ngân theo tiến độ thực hiện. Cụ thể:

Đợt 1: 150.000.000đ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản thỏa thuận thuê tài sản gắn liền với đất. Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể.

Đợt 2: 150.000.000đ trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên B nhận được bản sao chứng thực hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bên A và chủ đất. Giấy phép xây dựng (nếu có) và hai bên ký hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất có công chứng.

Đợt 3: 150.000.000đ trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A hoàn thiện việc san nền, xây móng, đóng cọc.

Thời hạn thực hiện là 90 ngày kể từ ngày bên B nhận tiền đặt cọc đợt 1, bên A phải hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng theo bản vẽ được hai bên ký xác nhận và bàn giao tài sản cho bên B.

Quá trình thực hiện Cty S đã thanh toán cho Cty H với số tiền 450.000.000đ/một vị trí, theo tiến độ xây dựng mà Cty H đã thực hiện. Cả hai vị trí

Cty S đã giao cho Cty H 900.000.000đ. Căn cứ vào biên bản thỏa thuận và tiến độ thanh toán tiền cọc và thời gian hoàn thành xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc thì đến ngày 19/4/2018 Cty H phải bàn giao tài sản thuê cho Cty S. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại tại Cty H vẫn chưa bàn giao tài sản thuê cho Cty S theo thỏa thuận. Trong thời gian vừa qua, Cty S đã liên hệ và đơn đốc việc thực hiện bàn giao tài sản nhưng phía Cty H vẫn không thực hiện theo đúng biên bản thỏa thuận đã ký kết.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 9 của Hợp đồng thì nếu bên A vi phạm các cam kết của Hợp đồng thì phải:

- Trả lại tiền cọc và tiền thuê còn lại mà bên B đã thanh toán trước (Nếu có).
- Trả cho bên B khoản tiền bằng tiền cọc mà bên B đã thanh toán.

Do Cty H đã vi phạm các thỏa thuận mà hai bên ký kết nên Cty S khởi kiện yêu cầu Cty H phải trả lại 900.000.000đ và bồi thường theo hợp đồng đã ký kết 900.000.000đ. Tổng cộng là 1.800.000.000đ.

*** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa đại diện bị đơn Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H trình bày:**

Năm 2017 và 2018 Cty H có ký 5 Hợp đồng với thỏa thuận thuê quyền sử dụng đất và thuê tài sản gắn liền với đất với Cty S để xây dựng 5 nhà xưởng tại hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị.

Sau khi ký các thỏa thuận này thì các thủ tục thuê mặt bằng và giấy tờ xin phép xây dựng có sự cố nên tiến độ xây dựng bị chậm và Cty H đã thỏa thuận với bên thứ 3 là ông Phan Kinh X nhận lại toàn bộ công trình theo 5 thỏa thuận. Tính đến thời điểm hiện tại thì ông X đã bàn giao cho Cty S 02 vị trí, còn 3 vị trí còn lại móng đã được xây dựng nhưng do phía Cty S yêu cầu ông X chuyển vị trí nên ông X đang hợp tác với Cty S để tìm vị trí mới để xây dựng.

Việc công ty S khởi kiện yêu cầu công ty H phải trả cho Cty S số tiền là 1.800.000.000 đồng là không có cơ sở. Bởi nguyên nhân dẫn đến việc chậm tiến độ là do nguyên nhân khách quan, vị trí thuê đất không được nhà nước cho chuyển mục đích, vị trí thuê này sau khi xem xét thực tế cũng đã được Cty S đồng ý. Nay Cty S khởi kiện yêu cầu bồi thường với số tiền 1.800.000.000đ thì Cty H không đồng ý. Hơn nữa Cty H đã chuyển nhượng lại cho ông Phan Kinh X và ông X vẫn đang thực hiện theo các thỏa thuận để giao các nhà xưởng cho Cty S.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Phạm Văn T1, bà Nguyễn Thị Xuân H1 và bà Nguyễn Khánh L trình bày: Năm 2018 Cty H có thuê đất của các ông bà để xây dựng nhà xưởng cán tôn, thời hạn thuê là 10 năm. Khi đang tiến hành xây dựng thì chính quyền địa phương

không cho xây dựng. Hiện tại các công trình trên vẫn đang dở dang không tiến hành xây dựng nữa và Cty H cũng không thanh toán tiền thuê đất cho chúng tôi. Người liên quan không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Ông Phan Kinh X và bà Đặng Thị Tường E trình bày: Cty H có ký Hợp đồng với thỏa thuận thuê quyền sử dụng đất và thuê tài sản gắn liền với đất với Cty S để xây dựng 4 nhà xưởng tại hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị. Khi Cty H không hoàn thành được công trình nhà xưởng kịp tiến độ thì Cty S và Cty H đề nghị vợ chồng ông X, bà E nhận chuyển giao việc xây dựng 4 nhà xưởng. Việc thỏa thuận lúc đầu chỉ thỏa thuận miệng nhưng Cty S đề xuất khi nào vợ chồng ông X, bà Anh chính thức thi công thì sẽ làm hợp đồng 3 bên. Đối với các vị trí tại Thị trấn KS, huyện HH, tỉnh Quảng Trị và 01 vị trí ở xã LL, huyện QN, tỉnh Quảng Bình các bên đã lập 02 biên bản thỏa thuận cho 02 vị trí mà vợ chồng ông X, bà E đã xây dựng và đã bàn giao cho Cty S và đã quyết toán xong. Đối với 02 vị trí còn lại ở Tp. ĐH và huyện QN, tỉnh Quảng Bình do chính quyền địa phương không cấp phép xây dựng nên các bên không ký biên bản thỏa thuận và ông, bà không xây dựng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 203; Điều 220; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 274; 275; 276; 351; 385; 398 ; 418; 419; 422; 423; 425 và Điều 428 Bộ luật dân sự 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Tập đoàn S.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần Tập đoàn S số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*). Trong đó: 900.000.000 đồng tiền cọc và 600.000.000 đồng tiền phạt cọc.

Không chấp nhận yêu cầu phạt cọc (bồi thường thiệt hại) với số tiền 300.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Tập đoàn S.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 BLDS để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành

án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2020, nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn S có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H phải trả cho Công ty S số tiền tổng cộng là 1.800.000.000 đồng.

Ngày 12/10/2020, bị đơn Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền lợi cho Công ty H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn S vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, đại diện bị đơn Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và kinh doanh chợ H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tập đoàn S, chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H. Hủy toàn bộ bản án kinh doanh và thương mại số 16/2020/KDTM – ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 15/12/2017 và ngày 22/12/2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H (sau đây gọi tắt là Công ty H) có ký Bản thỏa thuận thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 63MT và 70MT theo đó Công ty H sẽ cho Công ty S thuê tài sản gắn liền với diện tích đất tại hai địa chỉ là Quốc lộ 1A, thôn DM, xã GN, huyện QN, tỉnh Quảng Bình và đường LTT, phường ĐS, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình. Tại Điều 3 của cả hai Bản thỏa thuận trên đều có nội dung: Thời hạn thuê là 10 năm, kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn

giao tài sản thuê. Tuy nhiên, Công ty H chưa bàn giao tài sản thuê cho Công ty S, do vậy, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất chưa phát sinh hiệu lực. Do vậy, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng đặt cọc.

[2]. Xét kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H, HDXX nhận định như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đều xác định: Khi thuê đất, cả hai Công ty đều cùng xem xét mặt bằng, sau khi thống nhất được vị trí, Công ty H sẽ đứng ra tiến hành làm thủ tục thuê với chủ đất. Công ty S cũng đã được cung cấp các GCNQSD đất thể hiện phần lớn diện tích đất mà Công ty H thuê là đất nông nghiệp, không được xây dựng nhưng vẫn đồng ý ký kết hai bản thỏa thuận số 63MT và 70MT với Công ty H. Sau khi ký kết thỏa thuận, Công ty H nhận tiền đặt cọc và xây dựng nhà xưởng theo thiết kế của Công ty S và quá trình xây dựng có sự giám sát của Công ty S.

Theo khoản 2 Điều 6 của biên bản thỏa thuận quy định về việc đơn phương chấm dứt biên bản thỏa thuận thì: “Trường hợp bên A xây dựng nhà xưởng và bàn giao không đúng thời hạn thỏa thuận thì bên B có quyền đơn phương chấm dứt biên bản thỏa thuận, bên A có nghĩa vụ trả tiền cọc đã nhận và phải chịu phạt cọc tương đương số tiền đã nhận (trừ trường hợp bất khả kháng mà bên A phải chứng minh). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không yêu cầu Công ty H cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh kể từ thời điểm thuê đất, Công ty H đã phối hợp với chủ đất để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho phù hợp với mục đích thuê hay chưa? Nếu chưa thì lý do tại sao, do Công ty H hay do chủ đất không phối hợp? Nếu các bên đang thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì lý do tại sao lại không tiếp tục thực hiện nữa? Vì nguyên nhân chủ quan hay vì chính sách của nhà nước về đất đai tại khu vực đó thay đổi? Trường hợp Công ty H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nói trên thì Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cần phải xác minh tại chính quyền huyện QN và thành phố ĐH, tỉnh Quảng Bình làm rõ chính sách của địa phương tại thời điểm Công ty H thuê đất có cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất hay không để có cơ sở xác định đối tượng của hợp đồng có phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương hay không và xác định thỏa thuận có hiệu lực hay vô hiệu, từ đó xác định việc Công ty H không tiếp tục xây dựng và bàn giao nhà xưởng cho Công ty S đúng như thời hạn các bên thỏa thuận là lỗi chủ quan hay khách quan và thiệt hại xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng cụ thể như thế nào thì mới căn cứ để buộc Công ty H phải bồi thường. Vấn đề này cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu chứng cứ chưa đầy đủ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Do hủy bản án sơ thẩm nên kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn S không có cơ sở để xem xét.

[4]. Về án phí

[4.1]. Về án phí KDMT sơ thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên án phí KDTM sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4.2]. Về án phí KDTM phúc thẩm:

- Do hủy bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần Tập đoàn S và Công ty Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn S

- Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H

Hủy toàn bộ bản án kinh doanh và thương mại sơ thẩm số 16/2020/KDTM - ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Về án phí KDMT sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về án phí KDTM phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tập đoàn S và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

- Công ty Cổ phần Tập đoàn S được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0013034 ngày 15/10/2020 (do ông Đồng Hữu Q nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B;

- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và kinh doanh chợ H được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0013123 ngày 19/10/2020 (do ông Phan Thiên C nộp) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đảng Cộng TTĐT TANDTC
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đình Triết